TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2022

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mậu Thế

2. Ông Nguyễn Minh Khang

***Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 2001;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Thái Văn H, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Số E, thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thái Văn H kết hôn vào ngày 16/10/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự

nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại số số E, thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, ông Thái Văn H ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, ngoài ra ông H còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện bà và ông H đã sống ly thân một thời gian. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Thái Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/4/2021, hiện con đang ở với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến ngày con chung thành niên, bà không yêu cầu ông Thái Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Thái Văn H đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Thái Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ làm cho vụ án kéo dài thời gian giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N, xử cho bà N được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao con chung tên Thái Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/4/2021 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung với ông Thái Văn H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Bị đơn ông Thái Văn H hiện cư trú tại thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Thái Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Thái Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Thái Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 16/10/2020, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà N trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, ông Thái Văn H ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, ngoài ra ông H còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Nay bà N xác định vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nH không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp, phiên hòa giải thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để hàn gắn. Như vậy, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung tên là Thái Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/4/2021. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con Nhã Uyên còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Thái Ngọc Nhã U cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà N trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Bà N trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc *"Ly hôn"* đối với ông Thái Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Thái Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thái Ngọc Nhã U, sinh ngày 12/4/2021 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu ông Thái Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0007277 ngày 04/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc

thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 98/2020 ngày 16/10/2020);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Hằng